

Số: 81/QĐ-HT

Quảng Lâm, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 trường
PTDTBT TH Quảng Lâm

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT TH QUẢNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/08/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của trường PTDTBT TH Quảng Lâm.

(Theo biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các phó hiệu trưởng, các tổ, bộ phận Kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường PTDTBT TH Quảng Lâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT.

Nguyễn Hồng Thái

Đơn vị: TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ TIỂU HỌC QUẢNG LÂM
Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HT ngày 07/2/2024 của Trường PTDTBT TH Quảng Lâm huyện Huyện Mường Nhé)

(Dùng cho ĐV cấp trên và ĐV dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí và cấp bù học phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.574.591.694	13.574.591.694		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.574.591.694	13.574.591.694		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.235.923.694	9.235.923.694		
	Trong đó:				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.233.095.694	8.233.095.694		
	Kinh phí Cải cách tiền lương	1.002.828.000	1.002.828.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.338.668.000	4.338.668.000		
	Trong đó:				
	Hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí	891.450.000	891.450.000		
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã ĐBK theo	3.155.124.000	3.155.124.000		
	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	136.904.000	136.904.000		
	KP quỹ khen thưởng	145.190.000	145.190.000		
	Phần mềm Quản lý HS Bán trú	10.000.000	10.000.000		
4,00	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chỉ quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Quảng Lâm ngày 10 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Hồng Thái